

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALKAWA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ALKAWA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ALKAWA JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: ALKAWA,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110680238

**3. Ngày thành lập:** 10/04/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

BT12-16, Khu đô thị mới Phú Lương, Phường Phú Lương, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0354811904

Fax:

Email: [alkawajsc@gmail.com](mailto:alkawajsc@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                    | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác           | 4530        |
| 2.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy                        | 4543        |
| 3.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống       | 4620        |
| 4.  | Bán buôn thực phẩm                                                           | 4632        |
| 5.  | Bán buôn đồ uống                                                             | 4633(Chính) |
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                           | 4649        |
| 7.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                           | 4652        |
| 8.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                       | 4653        |
| 9.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                              | 4659        |
| 10. | Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm                                          | 0131        |
| 11. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                    | 8230        |
| 12. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu      | 8299        |
| 13. | Sửa chữa thiết bị liên lạc                                                   | 9512        |
| 14. | Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng                                 | 9521        |
| 15. | Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình                                          | 9522        |
| 16. | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật                                               | 7120        |
| 17. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược  | 7213        |
| 18. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nhân văn | 7222        |
| 19. | Quảng cáo                                                                    | 7310        |

|     |                                                                                                        |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 20. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu                                | 7490 |
| 21. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                 | 7710 |
| 22. | Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ                                                                         | 1610 |
| 23. | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                      | 1621 |
| 24. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện               | 1629 |
| 25. | Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp                                | 2021 |
| 26. | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh                                 | 2023 |
| 27. | Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu                                                 | 2029 |
| 28. | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                             | 2610 |
| 29. | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                                     | 2640 |
| 30. | Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển                                         | 2651 |
| 31. | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                              | 2750 |
| 32. | Sản xuất thiết bị điện khác                                                                            | 2790 |
| 33. | Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén                                                  | 2818 |
| 34. | Sản xuất máy thông dụng khác                                                                           | 2819 |
| 35. | Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp                                                                 | 2821 |
| 36. | Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí                                                          | 7721 |
| 37. | Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác                                                              | 7729 |
| 38. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                         | 7730 |
| 39. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                             | 3312 |
| 40. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                 | 3313 |
| 41. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                 | 3314 |
| 42. | Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)              | 3315 |
| 43. | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                 | 3319 |
| 44. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                | 3320 |
| 45. | Thoát nước và xử lý nước thải                                                                          | 3700 |
| 46. | Thu gom rác thải không độc hại                                                                         | 3811 |
| 47. | Thu gom rác thải độc hại                                                                               | 3812 |
| 48. | Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại                                                               | 3821 |
| 49. | Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại                                                                     | 3822 |
| 50. | Tái chế phế liệu                                                                                       | 3830 |
| 51. | Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác                                                      | 3900 |
| 52. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh | 4741 |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 53. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|

6. **Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ  
Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:** 500.000

8. **Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                   | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN SĨ NGUYỄN | Lô 32, LK 2, KĐT Đại Thanh, Xã Tả Thanh Oai, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 200.000    | 2.000.000.000         | 40,000    | 034080003287                                                                                |         |
|     |                  |                                                                                          | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                          | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                          | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                          | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                          | Tổng số                   | 200.000    | 2.000.000.000         | 40,000    |                                                                                             |         |

|   |                     |                                                                                   |                                    |         |               |        |                  |  |
|---|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------|---------------|--------|------------------|--|
| 2 | NGUYỄN<br>MẠNH HÙNG | Chùa Nhĩ, Xã<br>Thanh Liệt,<br>Huyện Thanh Trì,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam  | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 100.000 | 1.000.000.000 | 20,000 | 0260710048<br>52 |  |
|   |                     |                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |  |
|   |                     |                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0       | 0             | 0,000  |                  |  |
|   |                     |                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0       | 0             | 0,000  |                  |  |
|   |                     |                                                                                   | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0       | 0             | 0,000  |                  |  |
|   |                     |                                                                                   | Tổng số                            | 100.000 | 1.000.000.000 | 20,000 |                  |  |
|   |                     |                                                                                   |                                    |         |               |        |                  |  |
| 3 | ĐINH VĂN<br>HÒA     | Đình Tổ, Xã<br>Nguyễn Trãi,<br>Huyện Thường<br>Tín, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 200.000 | 2.000.000.000 | 40,000 | 0010730199<br>85 |  |
|   |                     |                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |  |
|   |                     |                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0       | 0             | 0,000  |                  |  |
|   |                     |                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0       | 0             | 0,000  |                  |  |
|   |                     |                                                                                   | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0       | 0             | 0,000  |                  |  |
|   |                     |                                                                                   | Tổng số                            | 200.000 | 2.000.000.000 | 40,000 |                  |  |
|   |                     |                                                                                   |                                    |         |               |        |                  |  |

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài , nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|     |             |                                                                                  |                 |               |                                                                                      |              |                                                                                                                                             |            |

10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN SĨ NGUYỄN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 26/12/1980

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034080003287

Ngày cấp: 29/11/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về TTXH

Địa chỉ thường trú: Lô 32,LK2, KĐT Đại Thanh, Xã Tả Thanh Oai, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Lô 32,LK2, KĐT Đại Thanh, Xã Tả Thanh Oai, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội